

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5916 /UBND-KT
V/v tổ chức thực hiện Kết
luận kiểm toán ngân sách
địa phương năm 2016

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Kính gửi:

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 8737
ĐẾN	Ngày: 28/9/17
	Chức vụ:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Cục Thuế Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các Chi cục Thuế: TP.Quảng Ngãi, Mộ Đức, Đức Phổ;
- Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi;
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình DD và CN;
- Ban QLDA ĐT và XD các huyện: Lý Sơn, Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức và thành phố Quảng Ngãi;
- Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Quảng Ngãi;
- Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi;
- Công ty TNHH MTV ĐTXD và KD dịch vụ Quảng Ngãi;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi.

Thực hiện Thông báo số 428/TB-KTNN ngày 01/9/2017 của Kiểm toán Nhà nước về thông báo kết quả kiểm toán Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi và trên cơ sở kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi (*bản sao lục kèm theo*); UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, cơ quan đơn vị và UBND các huyện, thành phố liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc và kịp thời các nội dung sau:

I. Về kiến nghị xử lý tài chính: Tổng số kinh phí là 311.217.038.80 đồng, cụ thể như sau:

1. Về thu nộp NSNN các khoản thuế, các khoản thu khác: Thu nộp ngân sách nhà nước với tổng kinh phí là 49.094.035.164 đồng.

(chi tiết theo Phụ lục số 01, 01a đính kèm).

2. Về thu hồi và giảm chi ngân sách nhà nước: Tổng kinh phí 262.123.003.368 đồng, gồm:

2.1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ là 1.063.921.581 đồng, gồm:

a) Chi thường xuyên: 17.762.280 đồng.

b) Chi đầu tư XDCCB: 1.046.159.301 đồng.

2.2. Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp là 2.589.991.202 đồng, gồm:

a) Chi thường xuyên: 1.700.000.000 đồng (*tiền thu ủng hộ tháng 10/2016 xây dựng Chợ Gò, xã Nghĩa An, TP.Quảng Ngãi chưa nộp ngân sách*).

b) Chi đầu tư XDCCB: 889.991.202 đồng.

2.3. Thu hồi kinh phí thừa là 186.887.960.876 đồng, gồm:

a) Chi thường xuyên: 43.240.957.599 đồng.

b) Chi đầu tư XDCCB: 143.647.003.277 đồng.

2.4. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau là 69.030.549.476 đồng, gồm:

a) Chi thường xuyên: 66.451.796.246 đồng.

b) Chi đầu tư XDCCB: 2.578.753.230 đồng.

2.5. Về giảm giá trị Hợp đồng, trúng thầu là 2.279.008.502 đồng.

2.6. Về kiến nghị xử lý tài chính khác: Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông bổ sung hồ sơ đối với khoản kinh phí 271.572.000đ:

a) Dự án đường Nguyễn Trãi (giai đoạn II): 220.009.000 đồng.

b) Dự án Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ – Minh Long – Sơn Hà), đoạn Km36+755,75 – Km51+00 (trừ cầu Nước Lác và cầu Sơn Kỳ): 51.563.000 đồng.

(chi tiết thu hồi và giảm chi theo Phụ lục số 02, 02a đính kèm).

II. Về thực hiện các kiến nghị khác:

1. Đối với Sở Tài chính:

1.1. Báo cáo Bộ Tài chính kinh phí chương trình MTQG, kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể được NSTW bổ sung có mục tiêu còn tồn đến cuối năm 2015 với số tiền 5.402 triệu đồng và nguồn CCTL năm 2014, 2015 chuyển sang chi đầu tư còn tồn cuối năm 2016 chưa thanh toán 236.252 triệu đồng để xem xét, quyết định.

1.2. Thu hồi các khoản NS cấp tỉnh tạm ứng vốn đầu tư cho các đơn vị từ nhiều năm trước, nay quá hạn nhưng chưa thu hồi 29.669 triệu đồng và khoản kinh phí cho Công ty Cổ phần hàng không Vietjet để mở đường bay TP. Hồ

Chí Minh - Chu Lai 1.500 triệu đồng tạm ứng từ năm 2011 từ nguồn Quỹ phát triển đất của tỉnh.

1.3. Theo dõi thực hiện các nội dung kiến nghị xử lý khác: 3.403.478.356.726 đồng (*chi tiết các nội dung tại Phụ lục số 03 đính kèm*).

2. Đối với huyện Sơn Tịnh:

Bố trí nguồn thu hồi tạm ứng NS huyện cho các xã ứng kéo dài nhiều năm (*từ nguồn tồn quỹ NS*), không đúng quy định của Luật NSNN 4.489.000.000 đồng.

3. Đối với huyện Tư Nghĩa:

3.1. Bố trí nguồn thu hồi các khoản tạm ứng ngân sách huyện (*từ nguồn tồn quỹ NS cấp huyện*) không đúng quy định của Luật NSNN 23.374.000.000 đồng.

3.2. Bố trí thu hồi khoản tạm ứng, ứng trước ngân sách tỉnh đã quá thời hạn và không rõ nội dung 946.700.000 đồng.

3.3. Giảm cấp phát năm sau: (*Bố trí nguồn để hoàn trả nguồn cải cách tiền lương, do huyện chưa thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% để tạo nguồn CCTL theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính*) 3.467.000.000 đồng.

4. Đối với huyện Mộ Đức:

Bố trí nguồn thu hồi các khoản tạm ứng ngân sách huyện (*từ nguồn tồn quỹ NS cấp huyện*) không đúng quy định của Luật NSNN 7.190.908.000 đồng.

5. Đối với huyện Đức Phổ:

Thu hồi tạm ứng quá hạn 8.770.340.650 đồng, tạm ứng vốn đầu tư XDCB kéo dài nhiều năm, quá hạn chưa kịp thời thu hồi.

6. Đối với thành phố Quảng Ngãi:

6.1. Thu hồi tạm ứng quá hạn: 23.753.000.000 đồng, gồm:

a) Tạm ứng chi đầu tư: Chợ tươi sống thành phố Quảng Ngãi 20.000.000.000 đồng;

b) Tạm ứng chi thường xuyên: 3.753.000.000 đồng, cụ thể:

- Thực hiện tinh giản biên chế 1.381.000.000 đồng.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi trồng lúa 15.000.000 đồng.

- Hỗ trợ hộ nghèo theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg: 357.000.000 đồng.

- Thưởng cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới 2.000.000.000 đồng.

6.2. Bố trí vốn hoàn trả NS tỉnh 41.000.000.000 đồng, kinh phí ứng xây dựng các dự án do thành phố đầu tư từ các năm trước chưa hoàn trả.

7. Đối với huyện Nghĩa Hành:

Bố trí hoàn trả lại nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh, do huyện sử dụng nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh để bù hụt thu không đúng quy định là 15.295.000.000 đồng.

8. Đối với huyện Sơn Tây:

Bố trí hoàn trả nguồn do tạm mượn nguồn để chi NS trong năm 2016 là 8.302.924.747 đồng, gồm: Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu 3.654.924.747 đồng; nguồn vốn đầu tư xây dựng NS huyện 4.648.000.000 đồng.

9. Đối với huyện Ba Tư:

Giảm cấp phát năm sau: 1.556.000.000 đồng (*Chưa trích đủ 50% tăng thu ngân sách giữa thực hiện so với dự toán tỉnh giao để tạo nguồn CCTL năm 2016 theo quy định theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính*).

III. Về công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước và kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân:

1. Sở Tài chính:

1.1. Về chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

a) Chấn chỉnh việc bổ sung vốn điều lệ không đúng quy định cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi;

b) Đôn đốc các sở ngành và chủ đầu tư các dự án liên quan khẩn trương quyết toán, xác định chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi, dự án KĐT dịch vụ VSIP và các dự án khác trên địa bàn, nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, đồng thời có cơ sở thực hiện ghi thu, ghi chi vào NSNN; kiểm tra, rà soát và tiến hành bàn giao đất đã giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư để có cơ sở xác định số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định đối với Dự án KDC Sơn Tịnh.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện sắp xếp, xử lý điều chuyển tài sản xe ô tô phục vụ chung giữa các đơn vị thừa, thiếu so với định mức theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh quy định; xử lý theo quy định đối với 07 xe cấp cho các đơn vị không có tiêu chuẩn định mức.

d) Chấn chỉnh kịp thời các sai sót trong công tác lập và giao dự toán chi ngân sách.

đ) Căn cứ lộ trình kế hoạch thu hồi nợ 2017 - 2020 đối với nhiệm vụ chi thuộc NS cấp tỉnh với số tạm ứng từ nhiều năm trước chưa thu hồi (564.587.000.000 đồng), tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan đôn đốc triển khai thu hồi tạm ứng đúng kế hoạch; đồng thời kiến nghị với UBND tỉnh thực hiện chế tài đối với các đơn vị chậm hoàn tạm ứng.

e) Tham mưu quản lý điều hành ngân sách cần đảm bảo cân đối thu - chi ngân sách hàng năm, trường hợp hụt thu cần báo cáo UBND tỉnh trình HĐND

tinh cắt giảm nhiệm vụ chi tương ứng; kịp thời có kế hoạch hoàn trả nguồn bổ sung có mục tiêu của Trung ương mà địa phương đã tạm mượn (597.111.000.000 đồng) bù hụt thu, để tiếp tục chủ động triển khai nhiệm vụ của mục tiêu hoặc hoàn trả NSTW nếu hết nhiệm vụ chi.

f) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời phân bổ vốn đầu tư theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh giao đầu năm, không để tồn đọng nguồn kéo dài, làm chậm giải ngân vốn đầu tư, giảm hiệu quả các nguồn lực của địa phương được sử dụng.

g) Chấn chỉnh việc tham mưu sử dụng sai nguồn ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính được giao; hạn chế hỗ trợ kinh phí cho đơn vị khác cấp ngân sách không thuộc nhiệm vụ chi; bố trí dự toán chi ngân sách cho các nhiệm vụ thực hiện nhưng chưa có nguồn đảm bảo, để tất toán các khoản tạm ứng, ứng trước dự toán kéo dài nhiều năm. Hạn chế tình trạng ứng trước dự toán năm sau, cho tạm ứng kéo dài nhiều năm chưa thu hồi; phân bổ dự toán, chi chuyển nguồn không có nội dung, nhiệm vụ cụ thể.

h) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh hoàn trả nguồn trung ương đến cuối năm 2016 còn thừa, hết nhiệm vụ chi, không được phép kéo dài phải nộp trả ngân sách trung ương theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

i) Theo dõi đầy đủ nguồn cải cách tiền lương tại các đơn vị, địa phương để giảm trừ nguồn cải cách tiền lương năm sau, tránh để thừa nguồn sử dụng sai mục đích.

k) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan tài chính và nội vụ ở các cấp chính quyền địa phương về quản lý biên chế, quỹ tiền lương.

l) Thực hiện khóa sổ và lập báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, đảm bảo theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn công tác khóa sổ của Bộ Tài chính.

m) Điều chỉnh số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền sử dụng đất 70.946.000.000 đồng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; xác định riêng phần tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để có cơ sở xác định chính xác tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi).

n) Đơn đốc chủ đầu tư của 56 danh mục công trình hoàn thành, đã quá thời hạn lập báo cáo quyết toán theo quy định nhưng chưa lập; đồng thời tham mưu UBND tỉnh có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

1.2. Về tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:

a) Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Tài chính cho sử dụng nguồn cải cách tiền lương chuyển sang chi đầu tư, trong khi chưa tự cân đối nguồn. Chưa tham mưu UBND tỉnh kịp thời nộp trả các nguồn kinh phí CTMT, nguồn vốn

đầu tư hết nhiệm vụ chi, hoặc hết thời gian cho phép kéo dài, dẫn đến địa phương tạm mượn sử dụng sai nhiều nguồn của NSTW.

b) Tham mưu vay vốn tồn ngân KBNN không sát với nhu cầu, thực hiện vay khi các dự án không đảm bảo các điều kiện triển khai, dẫn đến vốn vay về để tồn đọng, trong khi ngân sách đã phải trả lãi, gây lãng phí ngân sách.

1.3. Phối hợp với Cục Thuế, KBNN điều chỉnh lại số liệu Báo cáo thu - chi NSNN năm 2016 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước; đồng thời, tổng hợp số liệu lập Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2016, khi gửi cho KTNN khu vực III đề nghị thuyết minh rõ những nội dung đã điều chỉnh, bổ sung.

2. Cục Thuế tỉnh: Chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước, cụ thể:

2.1. Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh việc cho phép dự án Bệnh viện Đa khoa Nhân Tâm được gia hạn 10 lần thời gian thực hiện dự án và nợ tiền sử dụng đất (qua đấu giá) sai quy định.

2.2. Chấm dứt việc tự xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các dự án đầu tư trên địa bàn theo số tạm tính không có căn cứ, trái quy định của pháp luật, dẫn đến huy động nguồn thu vào NSNN chưa kịp thời đúng, đủ, kéo dài nhiều năm và các chủ đầu tư không quan tâm quyết toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và gửi cho các cơ quan chức năng thẩm định làm cơ sở khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp và ghi thu, ghi chi vào NSNN, làm cơ sở được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp.

2.3. Phối hợp với Sở Tài chính đơn đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam kịp thời nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào NSNN 23.222.000.000 đồng; đồng thời, đơn đốc Công ty nộp vào tài khoản tạm giữ tại KBNN của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi số tiền 45.328.786.340 đồng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng; đồng thời, khi kết thúc dự án, thực hiện xác định đúng số tiền sử dụng đất phải nộp để yêu cầu đơn vị nộp đầy đủ vào NSNN theo quy định.

2.4. Thực hiện xử phạt các hành vi vi phạm trong kê khai, quyết toán thuế qua kết quả kiểm tra đối chiếu người nộp thuế của KTNN (*chi tiết tại Phụ lục số 01, 01a*).

2.5. Tăng cường công tác lập dự toán thu NSNN theo chỉ thị của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, phù hợp với khả năng nguồn thu tại địa phương. Chấn chỉnh công tác quản lý bỏ sót nguồn thu đối với hoạt động SXKD trên địa bàn, làm giảm thu NS của địa phương. Kịp thời đưa vào lập bộ quản lý thu đối với Chi nhánh Công ty TNHH Điều hành và Tổ chức du lịch Đà Nẵng tại Quảng Ngãi.

2.6. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hồ sơ khai thuế; có kế hoạch thanh, kiểm tra đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Bất động sản, tài nguyên - khoáng sản, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế,

doanh nghiệp trên 5 năm chưa có kế hoạch thanh, kiểm tra như Công ty TNHH MTV Bất động sản Thiên Bút. Chấn chỉnh các sai sót trong công tác thanh, kiểm tra thuế, xử lý các hành vi vi phạm của NNT đúng quy định pháp luật thuế.

2.7. Tăng cường quản lý thu hồi nợ đọng thuế đang có chiều hướng tăng cao so với năm trước; điều chỉnh báo cáo nợ đọng tăng thêm 68.000.000 đồng.

2.8. Phối hợp với cơ quan Tài nguyên – Môi trường cùng kiểm tra, rà soát đầy đủ các trường hợp thuê đất cơ quan thuế đã đưa vào lập bộ, nhưng chưa có Quyết định thuê đất, chưa có Hợp đồng thuê đất; đã có quyết định cho thuê đất, nhưng chưa có hợp đồng cho thuê; 182 trường hợp thuê đất đã hết thời gian ổn định nhưng chưa xác định lại đơn giá cho thuê; 3 đơn vị thuê đất trên địa bàn TP. Quảng Ngãi đã giải thể, ngừng hoạt động; 5 đơn vị thuê đất tại thành phố Quảng Ngãi đã hết thời hạn cho thuê... để hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thuê đất, đơn giá thuê đất làm cơ sở lập bộ quản lý thu.

2.9. Kiểm tra, rà soát việc khai nộp lợi nhuận sau thuế đối với Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi, xem xét các khoản bổ sung vốn điều lệ (ngoài số liệu KTNN đã nêu) nếu không đủ điều kiện xử lý truy nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

2.10. Chỉ đạo Chi cục Thuế thành phố Quảng Ngãi kiểm tra, rà soát, xác định lại doanh thu khoán thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn phù hợp với thực tế kinh doanh, từ đó lập bộ thu thuế theo quy định, tránh gây thất thu NSNN. Lập thủ tục chuyển cho cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán đối với Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Tân Nhật Anh;

2.11. Điều chỉnh từ Chi cục Thuế thành phố về Cục Thuế quản lý thuế đối với Công ty TNHH MTV Bất động sản Thiên Bút; tổ chức thanh tra thuế đối với Công ty TNHH MTV Bất động sản Thiên Bút. Đồng thời, điều chỉnh phân cấp quản lý nguồn thu tiền sử dụng đất của các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định cho Cục Thuế quản lý theo quy định hiện hành.

2.12. Phối hợp với Sở Tài chính, KBNN điều chỉnh lại số liệu Báo cáo thu - chi NSNN năm 2016 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.13. Phối hợp với đơn vị có liên quan thực hiện đúng Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về việc giao cho cơ quan thuế là đơn vị thực hiện thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp trúng đấu giá, để kịp thời huy động nguồn thu này vào NSNN.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

3.1. Về chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

a) Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh thu hồi Dự án đầu tư và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Bệnh viện Đa khoa Nhân Tâm do trúng đấu giá từ năm 2011 nhưng đến nay chưa nộp đủ tiền sử dụng đất và chưa triển khai thực hiện dự án.

b) Ban hành Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế địa phương theo quy định tại Thông tư 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016.

c) Điều chỉnh lại 02 Quyết định thu hồi đất, giao đất (Quyết định số 418/QĐ-UBND, Quyết định số 726/QĐ-UBND), Quyết định phê duyệt giá đất (Quyết định số 425/QĐ-UBND) về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất kinh doanh, dịch vụ trái quy định Luật Đất đai 2013 (chỉ được phép cho thuê đất).

d) Cung cấp đầy đủ thông tin và phối hợp với cơ quan thuế để tiến hành thanh tra 06 doanh nghiệp đã khai thác khoáng sản vượt trữ lượng được cấp phép, đồng thời rà soát các DN khai thác tài nguyên – khoáng sản vượt tương tự trên địa bàn để tham mưu cho UBND tỉnh xử lý đúng quy định điều 33, điều 37 Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013.

đ) Xem xét, tham mưu UBND tỉnh hủy bỏ Công văn số 3154/UBND-NNTN ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh, chấm dứt việc ủy quyền 05 huyện cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn quản lý trái thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

e) Kiểm tra, rà soát đánh giá tác động môi trường và tham mưu UBND tỉnh thu hồi các giấy phép khai thác khoáng sản do huyện Ba Tư đã cấp cho Công ty TNHH MTV Trung Liêm khai thác cát, sạn tại 12 điểm không đúng những điểm mà tỉnh Quảng Ngãi đã ủy quyền và Sở Tài nguyên và Môi trường đã đánh giá tác động môi trường.

f) Phối hợp với cơ quan thuế và các huyện, thành phố nơi có các tổ chức được cấp phép khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn cùng rà soát, xác định nguồn gốc, diện tích đất để có cơ sở ký hợp đồng và đưa vào lập bộ tiền thuê đất, tránh thất thu NSNN.

g) Kịp thời rà soát nguồn gốc đất để tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định cho thuê đất và tổ chức ký hợp đồng cho thuê đất với các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản; đồng thời chuyển cho cơ quan thuế đưa vào lập bộ quản lý thuế, tránh thất thu NSNN.

h) Phối hợp với cơ quan Thuế kiểm tra, rà soát các trường hợp đưa vào lập bộ thuê đất, nhưng chưa có Quyết định thuê đất, chưa có Hợp đồng thuê đất, để tham mưu với UBND tỉnh cho thuê đất hoặc thu hồi lại đất đang sử dụng trái phép; kịp thời ký hợp đồng cho thuê đất đối với 12 trường hợp đã có quyết định cho thuê đất (38.554,7m²), nhưng chưa có hợp đồng cho thuê trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

m) Cung cấp đầy đủ thông tin và phối hợp với cơ quan thuế để tiến hành thanh tra 06 doanh nghiệp đã khai thác khoáng sản vượt trữ lượng được cấp phép, đồng thời rà soát các doanh nghiệp khai thác tài nguyên – khoáng sản vượt tương tự trên địa bàn để tham mưu cho UBND tỉnh xử lý đúng quy định điều 33, điều 37 Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013.

i) Phối hợp với cơ quan Thuế kiểm tra, rà soát 182 trường hợp thuê đất (6.787.511m²) đã hết thời gian ổn định nhưng chưa xác định lại đơn giá cho thuê và thông báo tiền thuê đất cho đơn vị sử dụng đất.

k) Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thu hồi lại đất thuê đối với 3 đơn vị thuê đất (13.345,5m²) trên địa bàn TP. Quảng Ngãi, nay đã giải thể, ngừng hoạt động; ký lại hợp đồng, gia hạn hợp đồng hoặc thu hồi đất cho thuê đối với 5 đơn vị thuê đất (157.106m²) tại TP. Quảng Ngãi, nay đã hết thời hạn cho thuê.

l) Kiểm tra lại diện tích đất của dự án KĐT mới Nam Lê Lợi để có cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 cho phù hợp với diện tích đất tại Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án.

3.2. Về Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:

a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án Bệnh viện Đa khoa Nhân Tâm khi chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính qua đấu giá không đúng quy định.

b) Chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với công tác quản lý hoạt động cho thuê đất trên địa bàn trong việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất, ký hợp đồng cho thuê đất, điều chỉnh đơn giá cho thuê đất khi hết thời gian ổn định, quản lý đất thuê khi hết thời hạn cho thuê, quản lý thuê đất đối với các trường hợp khai thác khoáng sản gây thất thoát nguồn thu hoặc chậm huy động nguồn thu vào NSNN.

c) Tham mưu UBND tỉnh Công văn số 1362/UBND-CNXD ngày 29/3/2016 cho phép công ty TNHH MTV Trung Nam Phong khai thác mỏ đất trước khi được cấp quyền khai thác 11 tháng, trái điều 4 Luật Khoáng sản.

d) Chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quản lý đối với doanh nghiệp hoạt động khai thác tài nguyên – khoáng sản trên địa bàn, để tình trạng 6 doanh nghiệp đã thực hiện khai thác vượt trữ lượng khoáng sản được cấp phép (2.234.990,5m³) trong thời gian dài, gây thất thoát tài nguyên quản lý.

đ) Đã tham mưu UBND tỉnh cho phép nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của 03 dự án (Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi, dự án KĐT dịch vụ VSIP, dự án KDC Sơn Tịnh) thiếu căn cứ pháp lý, trái với quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng:

4.1. Về chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 528/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển nhượng đất Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi khi chưa đủ điều kiện quy định (chưa giải phóng mặt bằng và chưa có Quyết định giao đất).

4.2. Về Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 528/QĐ-UBND cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng chưa đúng Quy

hoạch được phê duyệt; cho phép chuyển nhượng đối với phần diện tích đất chưa giải phóng mặt bằng và chưa có Quyết định giao đất trái quy định (Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi).

5. Quỹ đầu tư phát triển:

Kịp thời tổ chức hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ góp phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, tránh gửi ngân hàng thương mại thu lãi, để nguồn vốn NSNN cấp có cơ hội phát huy hiệu quả.

6. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi:

Chuyển toàn bộ số dư tiền bồi thường GPMB của các án thuộc nguồn vốn NSNN đang gửi tại các ngân hàng thương mại chuyển nộp vào tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định tại điều 93 Luật Đất đai.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

7.1. Về chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

a) Chấn chỉnh việc tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư cho 13 danh mục dự án (03 dự án sử dụng vốn NSTW, tổng mức đầu tư 241.976.000.000 đồng và 10 dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, tổng mức đầu tư 83.000.000.000 đồng) không thuộc danh mục kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020, gây lãng phí NSNN.

b) Chấn chỉnh việc tham mưu UBND tỉnh không phân bổ hết vốn đầu tư theo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao đầu năm, làm chậm giải ngân, gây lãng phí nguồn vốn được sử dụng của địa phương; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kế hoạch vốn ĐT XDCB cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực Khoa học và công nghệ thấp hơn dự toán Trung ương, trái quy định tại điểm 2a, điều 3, Thông tư số 206/TT-BTC.

c) Thực hiện tốt chức năng tham mưu bố trí vốn cho các dự án; tham mưu UBND tỉnh đề ra biện pháp xử lý và chỉ đạo kiên quyết trong cân đối các nguồn vốn hàng năm để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi các khoản ứng trước, tạm ứng theo quy định của Chính phủ.

d) Tổ chức kiểm tra, rà soát xác định chính xác nợ XDCB phát sinh thực tại các huyện, các chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh để theo dõi và chỉ đạo có kế hoạch bố trí vốn trả nợ dứt điểm.

7.2. Về Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:

a) Không phân bổ hết vốn đầu tư theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao đầu năm, làm chậm giải ngân, gây tồn đọng nguồn vốn được sử dụng của địa phương.

b) Công tác tham mưu báo cáo nợ đọng XDCB trên toàn địa bàn chưa đầy đủ, dẫn đến thiếu sự chỉ đạo và không kịp thời chấn chỉnh, để phát sinh nợ đọng khối lượng XDCB thực hiện năm 2015 và 2016 chưa kịp thời bố trí được vốn để thanh toán.

8. Sở Nội vụ:

8.1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát để có phương án sắp xếp cho đảm bảo việc sử dụng lao động, biên chế theo quy định (*không sử dụng hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong tổ chức, cơ quan, đơn vị hành chính*).

8.2. Thẩm định, trình UBND tỉnh kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo đúng vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

8.3. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chủ trì tham mưu và giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện sau khi HĐND cùng cấp phê duyệt và cơ cấu bộ máy của các đơn vị sự nghiệp theo vị trí việc làm gắn với việc giao quyền tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/6/2015 của Chính phủ.

8.4. Có trách nhiệm hướng dẫn quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

8.5. Tham mưu UBND tỉnh về kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm và kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức chính quyền tinh gọn, hiệu quả, tránh chồng chéo để đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương.

8.6. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan tài chính và nội vụ ở các cấp chính quyền địa phương về quản lý biên chế, quỹ tiền lương.

8.7. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án quản lý số lượng, chất lượng lao động hợp đồng khác, không dùng quỹ tiền lương để chi trả, từng bước giảm dần số lao động này phù hợp với Đề án vị trí việc làm ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

9. UBND các huyện, thành phố:

9.1. Tổ chức kiểm tra, rà soát toàn bộ diện tích đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp để đưa vào lập bộ thuế đầy đủ diện tích đất theo quy định.

9.2. Rà soát các hộ đã được cấp giấy phép kinh doanh, thực tế còn kinh doanh trên địa bàn để kịp thời đưa vào quản lý thu... tránh gây thất thu NSNN.

9.3. Tổ chức thu phí sử dụng lề đường, bến bãi, mặt nước theo Quyết định số 2074/QĐ-CT ngày 25/7/2004 và Quyết định số 281/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

9.4. Không được sử dụng sai nguồn cải cách tiền lương (Đức Phở); giao dự toán 9 chỉ tiêu thấp hơn dự toán tỉnh giao để dồn nguồn giữ lại điều hành

chưa đúng quy định, dự phòng chi ngân sách thấp hơn mức quy định (huyện Ba Tơ); không được quyết toán vốn đầu tư khi chưa có khối lượng thực hiện (1.656,9 trđ) đối với huyện Nghĩa Hành.

9.5. Thành phố Quảng Ngãi đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình Khu dân cư phía Đông đường Chu Văn An, thành phố Quảng Ngãi và Tuyến đường số 1 nối dài chợ đầu mối nông sản thành phố Quảng Ngãi.

9.6. UBND huyện Lý Sơn có trách nhiệm tăng cường chất lượng công tác thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán các công trình; thực hiện phân tích kết quả khảo sát địa chất làm cơ sở tính toán phương án tận dụng và điều phối vật liệu tại chỗ đối với các công trình thực hiện thi công công tác đất. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bám sát tiến độ thực hiện thi công theo cam kết công trình Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh - Ra đả tầm xa huyện Lý Sơn.

9.7. UBND huyện Mộ Đức có trách nhiệm chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư của 22 công trình hoàn thành đã đưa vào sử dụng đúng quy định Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

9.8. Chấm dứt việc phân bổ và giao dự toán chi đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và chi an ninh, quốc phòng thấp hơn dự toán tỉnh giao.

10. Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng các huyện, thành phố: Thành phố Quảng Ngãi, Lý Sơn, Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức:

Cần quy định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan trong việc xử lý, đền bù khi tính toán sai số lượng, khối lượng công việc trong hợp đồng tư vấn lập thiết kế dự toán, tư vấn lập hồ sơ mời thầu đối với các hạng mục có gói thầu xây lắp thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói theo quy định tại Mục d, Điểm 1, Điều 62, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư, hạn chế chuyển nguồn kế hoạch vốn sang năm sau nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân KH vốn đầu tư công năm 2016.

11. UBND TP. Quảng Ngãi và Chi cục Thuế thành phố Quảng Ngãi:

Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan chưa chủ động phản hồi thông tin tham mưu cho UBND tỉnh để xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của 03 dự án (Dự án KĐT mới Nam Lê Lợi, dự án KĐT dịch vụ VSIP, dự án KDC Sơn Tịnh) theo đúng quy định của quy định của pháp luật, dẫn đến chậm huy động nguồn thu vào NSNN.

12. UBND huyện Ba Tơ:

Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan tự ý cấp phép khai thác cát, sạn cho Công ty TNHH MTV Trung Liêm không đúng địa điểm UBND tỉnh ủy quyền và không tổ chức đấu giá quyền khai thác các điểm bồi tụ cát, sỏi trước khi cấp phép; thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT

của 80 công trình thuộc chương trình MTQG trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư là chưa tuân thủ quy định tại Điều 16 Luật đầu tư.

13. UBND huyện Nghĩa Hành:

Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đã quyết toán vốn đầu tư của 4 dự án đầu tư XDCB vào NSNN năm 2016 khi chưa thực có khối lượng thực hiện (1.657.000.000 đồng).

14. UBND thành phố Quảng Ngãi và 07 huyện (Ba Tơ, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Lý Sơn):

Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để phát sinh nợ đọng khối lượng XDCB (ngân sách cấp huyện và xã) thực hiện năm 2015 và 2016 chưa bố trí được vốn để thanh toán nợ 248.611.000.000 đồng.

15. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi:

Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế điều chỉnh lại số liệu Báo cáo thu - chi NSNN năm 2016 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nêu trên khẩn trương tổ chức thực hiện các nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; nghiêm túc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc cố ý làm sai dẫn đến thất thoát, lãng phí tiền và tài sản của Nhà nước; đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính trước ngày 15/10/2017 để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Kiểm toán nhà nước (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước KVIII;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CNXD, NNTN, NC, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat214.



**KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG TỔNG HỢP THU NHẬP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC KHOẢN THUẾ, CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM 2016



Kiểm tra Công văn số 5916 /UBND-KT ngày 27 /9/2017 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Chi tiêu	Tổng số	Các khoản thuế						Thu khác
				GTGT	TNDN	Tài nguyên	BVMT	Tiền thuê đất	Tiền sử dụng đất	
	Tổng cộng		49.094.035.164	361.620.112	1.946.397.562	65.268.099	137.060.770	5.422.942	23.222.143.677	23.356.122.002
A	TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI		2.176.855.437	345.985.930	1.712.855.366	44.029.014	73.985.127	0	0	0
I	Đơn vị đối chiếu		2.176.855.437	345.985.930	1.712.855.366	44.029.014	73.985.127	0	0	0
1	Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Hoàng Sơn	4300757567	63.361.595		63.361.595					
2	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	4300752544	57.113.374	10.134.879	13.592.573	1.705.779	31.680.143			
3	Công ty CP Xây dựng đô thị và KCN	4300319817	502.122.454		502.122.454					
4	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	4300657153	53.371.899	40.590.633	12.781.266					
5	Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt	4300320576	1.021.488.271		1.021.488.271					
6	Công ty CP Tiên Hưng	4300315230	91.719.091	91.719.091						
7	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	4300319588	17.746.627				17.746.627			
8	Công ty CP SX TM&DV Đại Nguyên	4300328409	227.213.631	140.991.273	19.340.766	42.323.235	24.558.357			
9	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	4300308515	27.194.886		27.194.886					
10	Công ty TNHH Hồng Sơn	4300288097	18.059.441		18.059.441					
11	Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	4300369451	97.464.168	62.550.054	34.914.114					
B	TẠI CÁC CHI CỤC THUẾ		23.561.057.725	15.634.182	233.542.196	21.239.085	63.075.643	5.422.942	23.222.143.677	0
I	Chi cục thuế TP Quảng Ngãi		23.343.344.023	0	61.130.253	0	60.070.093	0	23.222.143.677	0
1	Công ty CP Đầu tư IMG Huế	4300730050	61.130.253		61.130.253					
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa	4300752801	60.070.093				60.070.093			
3	Công ty CP Hạ tầng và BDS Việt Nam		23.222.143.677						23.222.143.677	
II	Chi cục thuế huyện Mộ Đức		123.017.906	15.634.182	83.139.089	21.239.085	3.005.550	0	0	0

TT	Đơn vị	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế					Thu khác	
					GTGT	TNDN	Tài nguyên	BVMT	Tiền thuê đất		Tiền sử dụng đất
1	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Ánh Nguyễn		4300580285	33.004.868	15.634.182	16.870.686		500.000			
2	Doanh Nghiệp Tư Nhân -Xi Nghiệp Xây Dựng Quang Minh		4300351870	36.816.220		36.816.220					
3	Công Ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Quốc Tiến		4300297951	53.196.818		29.452.183	21.239.085	2.505.550			
III	Chi cục thuế huyện Đức Phổ			94.695.796	0	89.272.854	0	0	5.422.942	0	0
1	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát		4300315329	8.000.000		8.000.000					
2	Chi cục thuế huyện Đức Phổ			5.422.942					5.422.942		
3	Công ty TNHH TDB		4300484662	81.272.854		81.272.854					
C	Thu khác NSNN			23.356.122.002	0	0	0	0	0	0	23.356.122.002
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi		4300657153	518.471.792							518.471.792
2	Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Quảng Ngãi		4300193889	21.302.000.000							21.302.000.000
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi			467.770.210							467.770.210
4	Thành phố Quảng Ngãi			1.067.880.000							1.067.880.000
4.1	Phòng TCKH			220.790.000							220.790.000
4.2	Xã Tịnh Hòa			847.090.000							847.090.000



PHỤ LỤC SỐ 01a

CHI TIẾT KẾT QUẢ THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC KHOẢN THUẾ, CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 5918/UBND-CT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	Thuế TNDN		946.397.567		
1	Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Hoàng Sơn	4300757567	63.361.595	Tăng thu nhập tính thuế TNDN khoản trích khấu hao 316.807.974đ vượt khung quy định (Xác định thời gian trích khấu hao TSCĐ thấp hơn thời gian tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 45/2013/TT-BTC)	
2	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	4300752544	13.592.573	Tăng thu nhập tính thuế TNDN khoản chi phí máy thi công thực tế vượt dự toán 101.348.785đ và giảm thu nhập chịu thuế số thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường do kiểm toán xác định tăng thêm 33.385.922đ.	
3	Công ty CP Xây dựng đô thị và KCN	4300319817	502.122.454	Tăng thu nhập tính thuế TNDN khoản trích lập dự phòng bảo hành công trình 2.510.612.270đ theo mức 5% vượt tỷ lệ 3% theo hợp đồng xây dựng và quy định tại Khoản 4 Điều 3 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.	
4	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	4300657153	12.781.266	Tăng thu nhập tính thuế TNDN tương ứng doanh thu tăng thêm năm 2016 của 02 đơn vị thuế hạ tầng khu công nghiệp 63.906.332đ (Công ty TNHH MTV Chế biến Trường Thịnh: 39.311.241đ; Công ty TNHH TM-DV Tiên Phát: 24.595.091đ) đơn vị chưa phản ánh trong năm.	
5	Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt	4300320576	1.021.488.271	Tăng thu nhập tính thuế TNDN tương ứng với thu nhập chịu thuế 5.107.441.353đ của 08 công trình đã nghiệm thu hoàn thành trong năm 2016 nhưng kê khai doanh thu, thuế GTGT đầu ra năm 2017 không đúng theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.	
6	Công ty CP SX TM&DV Đại Nguyên	4300328409	19.340.766	Tăng thu nhập chịu thuế 163.585.424đ của công trình Nhà tạm giữ hành chính thuộc Công an huyện Sơn Tây đã nghiệm thu hoàn thành trong năm 2016; giảm thu nhập chịu thuế 66.881.592đ do kiểm toán xác định tăng thêm thuế tài nguyên 42.323.235đ và phí bảo vệ môi trường 24.558.357đ.	
7	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	4300308515	27.194.886	Tăng thu nhập chịu thuế đối với các khoản nợ của các khoản không còn phải trả từ một số đối tượng không còn phải trả 135.974.431 đồng	
8	Công ty TNHH Hồng Sơn	4300288097	18.059.441	Tăng thu nhập chịu thuế do loại trừ chi phí lãi vay ngân hàng 90.297.205đ tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu là khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điểm 2.18, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.	
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	4300320576	34.914.114	Tăng thu nhập chịu thuế do loại trừ chi phí in lịch mang thương hiệu Nhà máy Bia Dung Quất 441.355.091đ để xuất biếu tặng, khuyến mãi, quảng cáo cho khách hàng không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp theo quy định tại điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; đồng thời bù trừ khoản lỗ hoạt động SXKD 266.784.520đ.	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
10	Công ty CP Đầu tư IMG Huế	4300730050	61.130.253	Chưa khai thuế TNDN kinh doanh bất động sản vắng lại	
11	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Ánh Nguyễn	4300580285	16.870.686	Không phản ánh doanh thu và giá vốn Công trình Đường Trung tâm huyện-QL1A đã có Quyết toán trong năm 2016 (DT: 156.341.818đ, giá vốn: 109.439.273đ, Thuế GTGT: 15.634.182đ) và loại trừ chi phí lãi vay đối với phần vốn góp điều lệ còn thiếu (37.450.884đ)	
12	Doanh Nghiệp Tư Nhân -Xi Nghiệp Xây Dựng Quang Minh	4300351870	36.816.220	Không phản ánh doanh thu và giá vốn Công trình Trạm Y tế xã Đức Phong, Trường THCS Đức Phú đã có Quyết toán trong năm 2016 (DT: 3.346.929.091đ, giá vốn: 3.162.847.991đ)	
13	Công Ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Quốc Tiến	4300297951	29.452.183	Giảm chi phí tiền lương trong giá vốn (168.500.000đ) và tăng giá vốn chi phí thuế Tài nguyên (21.239.085đ)	
14	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	4300315329	8.000.000	Do tăng thu nhập chịu thuế TNDN 40.000.000đ (tăng thu nhập khác) đối với khoản công nợ kéo dài nhiều năm nhưng không được đối chiếu, xác nhận nợ. (Từ năm 2010 đến nay chưa được đối chiếu, xác nhận nợ). Ngoài ra, đến thời điểm kiểm tra, chi phí tương ứng với khoản người mua trả tiền trước phát sinh không được theo dõi, phản ánh và hạch toán trên tài khoản 154 của năm 2016.	
15	Công ty TNHH TDB	4300484662	81.272.854	Thu nhập chịu thuế TNDN tăng 406.364.269đ; loại trừ chi phí không được trừ do đơn vị không nhất quán trong việc xác định tiêu thức phân bổ giá vốn hàng bán đối với các công trình dở dang. Kiểm toán xác định và phân bổ theo tiêu thức giá trị nghiệm thu/ giá trị hợp đồng (tiêu thức đơn vị sử dụng nhiều nhất trong năm).	
II	Thuế GTGT		361620112		
1	Công ty CP Tiến Hưng	4300315230	91.719.091	Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ do sử dụng bất hợp pháp hóa đơn mua vào theo kết luận của cơ quan thuế	
2	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	4300752544	10.134.879	Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 10.134.879đ đối với khoản quyết toán chi phí máy thi công thực tế vượt so với dự toán xây dựng.	
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	4300657153	40.590.633	Chưa lập hóa đơn và kê khai thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa tặng cho đối tác, doanh nghiệp 34.200.000đ; tăng thuế GTGT đầu ra tương ứng tăng doanh thu của 02 đơn vị thuế hạ tầng khu công nghiệp 6.390.633đ	
4	Công ty CP SX TM&DV Đại Nguyên	4300328409	140.991.273	Chưa khai thuế GTGT đối với công trình Nhà tạm giữ hành chính thuộc Công an huyện Sơn Tây đã nghiệm thu, thanh toán trong năm 2016	
5	Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát		62.550.054	Giảm thuế GTGT đầu vào 44.135.509đ hóa đơn in lịch mang thương hiệu Nhà máy Bia Dung Quất không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và tăng thuế GTGT đầu ra 18.414.545đ của hàng hóa xuất biểu tặng cho khách hàng theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC	
6	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Ánh Nguyễn	4300580285	15.634.182	Không phản ánh doanh thu và giá vốn Công trình Đường Trung tâm huyện-QL1A đã có Quyết toán trong năm 2016 (DT: 156.341.818đ, giá vốn: 109.439.273đ, Thuế GTGT: 15.634.182đ)	
III	Thuế Tài nguyên		65.268.099		

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	4300752544	1.705.779	Xác định giá tính thuế đối với đất san lấp theo giá trên hóa đơn từng lần bán mà không theo giá bình quân bán ra trong năm là không đúng quy định tại khoản 3 điều 9 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính.	
2	Công ty CP SX TM&DV Đại Nguyên	4300328409	42.323.235	Khai tính thuế tài nguyên theo giá của UBND tỉnh thấp hơn giá bán; khai sai thuế suất thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 152 /2015/TT-BTC	
3	Công Ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Quốc Tiến	4300297951	21.239.085	Xác định sai thuế suất tính thuế (Sàn lượng đất: 32.270m ³ , thuế suất: 7%) và giá tính thuế Tài nguyên (sàn lượng cát: 525m ³ , giá tính thuế 63.836đ)	
IV	Phí Bảo vệ môi trường		137.060.770		
1	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	4300319588	17.746.627	Khai sai mức thu phí của kỳ kê khai tháng 9/2016 theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	
2	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	4300752544	31.680.143	Không áp dụng hệ số tính phí theo phương pháp khai thác (hệ số K) theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 của Bộ Tài chính.	
3	Công ty CP SX TM&DV Đại Nguyên	4300328409	24.558.357	Chưa kê khai tính phí bảo vệ môi trường đối với lượng đất bốc xúc thải và không áp dụng hệ số tính phí theo phương pháp khai thác (hệ số K) theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 66/2016/TT-BTC	
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa	4300752801	60.070.093	Khai thiếu sản lượng tính phí BVMT	
5	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Ánh Nguyễn	4300580285	500.000	Doanh nghiệp xác định thiếu sản lượng tính thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 66/2016/TT-BTC	
6	Công Ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Quốc Tiến	4300297951	2.505.550	Doanh nghiệp xác định thiếu sản lượng tính thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 66/2016/TT-BTC	
V	Tiền thuế đất		5.422.942		
1	Chi cục thuế huyện Đức Phổ		5.422.942	Thông báo thu nộp tiền thuế đất của Công ty CP Đường Quảng Ngãi chưa chính xác: Số tiền thuế đất theo Thông báo số 02/TB-CCT ngày 20/9/2016 là 106.702.260đ; số kiểm toán xác định là 112.125.202đ do Chi cục thuế tính thiếu diện tích thuế đất theo Hợp đồng số 91/HĐTĐ ngày 21/7/2016.	
VI	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất		23.222.143.677		
1	Công ty CP Hạ tầng và BĐS Việt Nam		23.222.143.677	Tính thiếu tiền sử dụng đất phải nộp khu dân cư Nam Lê Lợi của Công ty CP hạ tầng và Bất động sản VN chủ đầu tư (sau khi đã khấu trừ tiền GPMB chuyển vào TK tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước của Trung tâm phát triển quỹ đất).	
VII	Thu khác		23.356.122.002		
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư XD và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	4300752544	518.471.792	Lãi ngân hàng của kinh phí đền bù Khu công nghiệp Tịnh Phong và Quảng Phú đã hết nhiệm vụ chi chưa nộp ngân sách nhà nước.	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
2	Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Quảng Ngãi	4300193889	21.302.000.000	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi khai nộp lợi nhuận sau thuế thiếu 21.302trđ (năm 2013: 2,848trđ; năm 2014: 6.055trđ; năm 2015 là 5.989trđ và năm 2016 là 6.410trđ) do bổ sung vốn điều lệ năm 2013; 2014 không đúng quy định tại Điểm b.3 Khoản 2.2 mục I Công văn số Công văn số 1419/TCT-DNL ngày 26/4/2014 của Bộ Tài chính và việc xác định tăng vốn điều lệ sai các quy định của Nhà nước (Việc UBND tỉnh ban hành liên tục các Quyết định tăng vốn điều lệ cho Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Quảng Ngãi từ 10.307trđ lên 30.000trđ, tăng 19.693trđ (Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 23/5/2013) và từ 30.000trđ lên 111.000trđ (Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 22/5/2015), tăng 81.000trđ cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2010 là vượt thời gian quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2015 của Chính phủ và Khoản 01 Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ (Mức vốn điều lệ tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm). Việc xác định số vốn điều lệ tăng thêm theo Tờ trình số 17/TT-Tr-XSKT ngày 23/6/2014 của Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Quảng Ngãi không căn cứ vào Phương pháp xác định điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 02 Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính), dẫn đến trích vượt tỷ lệ 30% vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính. (doanh nghiệp tiếp tục trích thêm 70% lợi nhuận còn lại vào quỹ đầu tư phát triển, sau khi đã phân phối 30% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển và trích các quỹ khen thưởng phúc lợi; số còn lại mới nộp ngân sách)	
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi		467.770.210	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi gửi tiền bồi thường GPMB các dự án thuộc nguồn vốn NSNN 45.918.814.071đ và lãi phát sinh 467.770.210đ tại các ngân hàng chưa nộp NSNN.	
4	Thành phố Quảng Ngãi		1.067.880.000		
a	Phòng TCKH		220.790.000	Tiền đặt cọc đấu giá đất không còn phải trả do đối tượng bỏ đấu giá đất tồn từ năm trước chuyển sang chưa nộp NS	
c	Xã Tịnh Hòa		847.090.000	Tiền hỗ trợ thu hồi đất của xã 847.090.000đ vào ngày 31/12/2016 chưa nộp NS	
	TỔNG CỘNG		49.094.035.164		



PHỤ LỤC SỐ 02

THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

Công văn số 5916/UBND-KT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi các khoản chi sai quy định		Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá trị Hợp đồng/trúng thầu	Xử lý tài chính khác (bổ sung hồ sơ)
				Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
		TỔNG CỘNG	262.123.003.638	17.762.280	1.046.159.301	1.700.000.000	889.991.202	43.240.957.599	143.647.003.277	66.451.796.246	2.578.753.230	2.279.008.502	271.572.000
I		Các cơ quan tổng hợp	188.806.106.490	-	-	-	414.016.000	-	143.647.003.277	44.500.419.213	244.668.000	-	-
1		Sở Tài chính	188.040.439.390	-	-	-	414.016.000	-	142.881.336.177	44.500.419.213	244.668.000	-	-
1.1		Công tác quyết toán vốn đầu tư	414.016.000	-	-	-	414.016.000	-	-	-	-	-	-
1.1.1		Liên minh HTX tỉnh Quảng Ngãi	162.413.000				162.413.000						
1.1.2		UBND huyện Tây Trà	196.909.000				196.909.000						
1.1.3		Công an tỉnh	14.098.000				14.098.000						
1.1.4		Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	24.203.000				24.203.000						
1.1.5		Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi	16.393.000				16.393.000						
1.2		Nguồn vốn TW bổ sung có mục tiêu (XDCB)	8.759.912.537						8.759.912.537				
1.3		Đổi với nguồn vốn CTMTQG (XDCB)	8.741.503.952						8.741.503.952				
1.4		Nguồn vốn TPCP (XDCB)	38.450.640.240						38.450.640.240				
1.5		Đổi với nguồn vốn NSTW ứng trước cho NS (XDCB)	39.007.000.000						39.007.000.000				
1.6		Kế hoạch vốn TPCP năm 2016 còn lại chưa giải ngân (XDCB)	47.922.279.448						47.922.279.448				
1.7		Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	244.668.000								244.668.000		
1.8		Nguồn cải cách tiền lương	39.450.054.680							39.450.054.680			
1.9		Nguồn KP sự nghiệp Trung ương bổ sung chương trình mục tiêu và Chương trình MTQG	5.050.364.533							5.050.364.533			
2		Kho Bạc Nhà nước	765.667.100	-	-	-	-	-	765.667.100	-	-	-	-
		Vốn TPCP do Địa phương quản lý	765.667.100						765.667.100				
II		Các đơn vị HC, SN	28.366.234.425	-	-	-	-	28.366.234.425	-	-	-	-	-
1		Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi	86.317.000					86.317.000					
2		Văn phòng Tỉnh ủy	28.279.917.425					28.279.917.425					

TT	Chi tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá trị Hợp đồng/trúng thầu	Xử lý tài chính khác (bổ sung hồ sơ)
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
III	Các Ban QLDA	6.406.800.236	-	1.046.159.301	-	475.975.202	-	-	-	2.334.085.230	2.279.008.502	271.572.000
1	BQL dự án ĐTXD các CT dân dụng & Công nghiệp tỉnh	966.436.000	-	14.776.000	-	-	-	-	-	696.557.000	255.103.000	-
	Dự án đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	966.436.000		14.776.000						696.557.000	255.103.000	
2	BQL dự án ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh	1.075.328.000	-	72.636.000	-	58.021.000	-	-	-	47.941.000	625.158.000	271.572.000
2.1	Dự án đường Nguyễn Trãi (giai đoạn II)	947.568.000		71.518.000						30.883.000	625.158.000	220.009.000
2.2	Dự án Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ - Minh Long - Sơn Hà), đoạn Km36+755,75 - Km51+00 (trừ cầu Nước Lác và cầu Sơn Kỳ)	127.760.000		1.118.000		58.021.000				17.058.000		51.563.000
3	BQL dự án ĐTXD TP Quảng Ngãi	1.254.334.800	-	54.671.800	-	-	-	-	-	838.992.000	360.671.000	-
3.1	Dự án Chợ Quảng Ngãi	893.663.800		54.671.800						838.992.000		
3.2	Khu dân cư phía Đông đường Chu Văn An, thành phố Quảng Ngãi.	145.445.000									145.445.000	
3.3	Tuyến đường số 1 nối dài chợ đầu mối nông sản TP.Quảng Ngãi.	215.226.000									215.226.000	
4	Ban QL ĐTXD Huyện Lý Sơn	2.330.375.052	-	806.300.319	-	-	-	-	-	750.595.230	773.479.502	-
4.1	Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn	502.339.065		502.339.065								
4.2	Đường Trung tâm huyện Lý Sơn - UBND Xã An Hải	897.327.839		303.961.254						195.156.109	398.210.475	
4.3	Nâng cấp tuyến đường Côn An Vinh - Ra đa tâm xa huyện Lý Sơn	930.708.148								555.439.121	375.269.027	
5	Ban QLDA ĐTXD Huyện Ba Tơ	171.782.182	-	83.208.182	-	88.574.000	-	-	-	-	-	-
5.1	Đường Làng Mâm - Làng Điều - Ba Bích											
5.2	Đường Ba Bích - Ba Nam	70.440.484		31.825.484		38.615.000						
5.3	Đường Ba Tơ - Ba Trang	101.341.698		51.382.698		49.959.000						
6	BQL DA ĐTXD huyện Đức Phổ	548.430.202	-	1.616.000	-	329.380.202	-	-	-	-	217.434.000	-
6.1	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Thạnh Đức 1	139.658.000									139.658.000	
6.2	Tuyến đường Đức Phổ - Phố Khánh	79.392.000		1.616.000							77.776.000	
6.3	Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng làng cá Sa Huỳnh	317.466.202				317.466.202						

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá trị Hợp đồng/trúng thầu	Xử lý tài chính khác (bổ sung hồ sơ)
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
6.4	Công trình Kênh bơm N2 Liệt Sơn nổi dài	11.914.000				11.914.000						
7	BQL DA ĐTXD huyện Mộ Đức	60.114.000	-	12.951.000	-	-	-	-	-	-	47.163.000	-
7.1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Thùng	6.814.000		6.814.000								
7.2	Tuyến đường Chợ Văn Bản - Xe Bò	47.163.000									47.163.000	
7.3	Đường trung tâm xã Đức Tân	6.137.000		6.137.000								
IV	Các huyện thành phố	38.543.862.487	17.762.280	-	1.700.000.000	-	14.874.723.174	-	21.951.377.033	-	-	-
1	Đức Phổ	5.517.983.211	17.762.280				4.684.167.826		816.053.105			
2	Mộ Đức	1.251.900.000					502.800.000		749.100.000			
3	Ba Tơ	4.124.269.988					4.124.269.988					
4	Sơn Tịnh	209.700.000					209.700.000					
5	TP Quảng Ngãi	25.575.109.288			1.700.000.000		3.488.885.360		20.386.223.928			
6	Nghĩa Hành	1.864.900.000					1.864.900.000					
	Tổng cộng	262.123.003.638	17.762.280	1.046.159.301	1.700.000.000	889.991.202	43.240.957.599	143.647.003.277	66.451.796.246	2.578.753.230	2.279.008.502	271.572.000

PHỤ LỤC SỐ 02a

THUYẾT MINH NỘI DUNG THU HỒI, GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016



Công văn số 5916 /UBND-KT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/ chi tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
	TỔNG CỘNG: (I) + (II) + (III) + (IV) + (V)	255.302.187.402		
I	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ	17.762.280		
1	Huyện Đức Phổ (Đội vệ sinh môi trường)	17.762.280	Giảm kinh phí thực hiện công tác duy trì và chăm sóc cây xanh trên địa bàn nội thị trấn Đức Phổ do cấp thừa kinh phí nhiên liệu tưới nước cây xanh (Chi phí này đã được tính đủ trong chi phí chăm sóc cây xanh)	
II	Thu hồi các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	1.700.000.000		
1	Thành phố Quảng Ngãi (Xã Tịnh An)	1.700.000.000	Tiền thu ủng hộ trong tháng 10/2016 xây dựng Chợ Gò 1.700.000.000đ chưa nộp NS	
III	Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi: (A) + (B)	186.887.960.876		
A	Thường xuyên (1) + (2)	43.240.957.599		
1	Các đơn vị hành chính sự nghiệp	28.366.234.425		
1.1	Công ty Khai thác Công trình thủy lợi	86.317.000	KP khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2015-2016, chống hạn vụ Hè Thu 2016 cấp phát cho Công ty Khai thác Công trình thủy lợi số tiền 4.200trđ; đơn vị đã quyết toán 4.113,7trđ; số kinh phí còn thừa chưa thu hồi nộp trả NSNN số tiền: 86,3trđ.	
1.2	Văn phòng Tỉnh Ủy	28.279.917.425	Kinh phí còn thừa năm 2016, hết thời gian xét chuyển nguồn theo Thông tư 319/2016/TT-BTC (31/3/2017)	
2	Các huyện, thành phố	14.874.723.174		
2.1	Huyện Đức Phổ	4.684.167.826		
a.	Kinh phí bảo trợ xã hội theo NĐ 136/NĐ-CP	4.376.730.000	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo NĐ136/CP và Luật Người cao tuổi thuộc kinh phí có mục tiêu cuối năm không sử dụng hết đã đề nghị UBND tỉnh quyết định chi chuyển nguồn sang năm 2017. Tuy nhiên, dự toán chi của năm 2017 tỉnh đã cấp thừa so với huyện đề nghị. Do đó, thu hồi về NS TƯ	

b.	Huyện ủy	307.437.826	Kinh phí thừa cuối năm, huyện ủy không làm thủ tục để xét chuyển theo qui định tại Thông tư số 319/2016/QĐ-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ Tài chính.	
2.2	Huyện Mộ Đức	502.800.000		
	Huyện ủy	502.800.000	Thu hồi nộp NS huyện, kinh phí thừa cuối năm, huyện ủy không làm thủ tục để xét chuyển theo qui định tại Thông tư số 319/2016/QĐ-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ Tài chính.	
2.3	Huyện Ba Tơ	4.124.269.988		
a.	KP bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi	1.510.577.988	KP bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi: Tại NS huyện 1.243trđ; Phòng GD&ĐT: 89trđ; Phòng NN&PTNT: 178,4trđ; CT kè sạt lở Sông Liên, đoạn qua Thị trấn Ba Tơ	Chi tiết tại Biên bản kiểm toán huyện Ba Tơ
b.	Công trình kè sạt lở Sông Liên, đoạn qua Thị trấn Ba Tơ	2.440.292.000	Vốn bổ sung có mục tiêu, quá 02 năm chưa xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển nguồn còn tại kết dư ngân sách huyện	
c.	Huyện ủy	173.400.000	Thu hồi nộp Kinh phí đào tạo theo QĐ 481/2008/QĐ-UBND NSNN kinh phí thừa cuối năm, huyện ủy không làm thủ tục để xét chuyển theo qui định tại Thông tư số 319/2016/QĐ-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ Tài chính.	
2.4	Huyện Sơn Tịnh	209.700.000	KP cấp cho dự án Trường mầm non xã Tịnh Sơn xây dựng (03 phòng học; san nền, tường rào, sân vườn) (cấp bằng lệnh chi) 2.400trđ; số thanh toán, quyết toán 2.190,3trđ; vốn còn lại tồn tại tài khoản tiền gửi 209,7trđ, chưa nộp trả NS huyện.	
2.5	Thành phố Quảng Ngãi	3.488.885.360		
a.	Vốn vay tín dụng ưu đãi	107.034.900	Vốn vay tín dụng ưu đãi đối với 17 xã có khả năng đạt tiêu chí nông thôn mới từ năm 2014 còn thừa	
b.	Kinh phí hỗ trợ đi đào tạo theo Quyết định 481/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh	1.699.972.000	Kinh phí hỗ trợ đi đào tạo theo Quyết định 481/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh nhiệm vụ chi.	
c.	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	67.010.460	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí hết nhiệm vụ chi	
d.	Kinh phí đầu tư thực hiện dự án nạo vét thông luồng cửa sông Phú Thọ, thôn Phố Trường, xã Nghĩa An	442.785.000	Kinh phí đầu tư từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014 để thực hiện dự án nạo vét thông luồng cửa sông Phú Thọ, thôn Phố Trường, xã Nghĩa An hết nhiệm vụ chi	
đ.	KH vốn cho 17 xã có khả năng đạt tiêu chí nông thôn mới từ các năm trước hết nhiệm vụ chi	541.884.000	Kế hoạch vốn cho 17 xã có khả năng đạt tiêu chí nông thôn mới từ các năm trước hết nhiệm vụ chi	

e.	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 để thực hiện dự án nạo vét, thông luồng cửa sông Phú Thọ, thôn Phó Trường, xã Nghĩa An	19.175.000	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 để thực hiện dự án nạo vét, thông luồng cửa sông Phú Thọ, thôn Phó Trường, xã Nghĩa An hết nhiệm vụ chi	
f.	Kinh phí đào tạo theo Quyết định 481/2008/QĐ-UBND	577.024.000	Kinh phí hỗ trợ đi đào tạo theo Quyết định 481/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh hết nhiệm vụ chi.	
g.	Kinh phí hỗ trợ chính sách hộ nghèo	34.000.000	Kinh phí hỗ trợ chính sách hộ nghèo từ các năm trước	
2.2	Huyện Nghĩa Hành	1.864.900.000		
a.	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất	208.000.000	KP thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất SX cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 755/QĐ-TTg còn thừa, đã hết nhiệm vụ chi 208.000.000đ nộp trả NS tỉnh.	
b.	Nguồn TƯ hỗ trợ cho tỉnh, tỉnh hỗ trợ cho huyện chi đầu tư, cuối năm huyện đã Quyết toán theo số thực cấp, khi chưa có khối lượng thực hiện; phải nộp trả NS TƯ.	1.656.900.000	Do huyện quyết toán theo số thực cấp, không quyết toán theo số thực chi tương ứng khối lượng thực hiện, gồm: Kinh phí hỗ trợ đầu tư dự án tuyến đường ĐH 56, ĐH 54: 1.113,1trđ; tuyến đường ĐH 57: 399,8trđ; Kênh VC52 Xã Hạnh Phước: 105,5trđ; Sửa chữa trường Lê Khiết, Hành Thịnh: 38,6trđ	
B	Đầu tư: (1) + (2)	143.647.003.277		
1	Tại Sở Tài chính	142.881.336.177		
1.1	Đối với nguồn vốn TW bổ sung có mục tiêu	8.759.912.537		
a.	Nguồn vốn TW bổ sung có mục tiêu của các năm trước	817.000.000	Các đơn vị đã nộp trả ngân sách cấp tỉnh do không có khối lượng hoàn thành, các dự án kết thúc nhưng Tỉnh chưa nộp trả cho ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn TPCP theo quy định Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
b.	Ngân sách TW bổ sung có mục tiêu (KHV năm trước còn lại chưa phân bổ đến ngày 31/3/2017)	4.887.000.000	Do đã hết nhu cầu sử dụng, nhiệm vụ đã hoàn thành, Tỉnh chưa thực hiện nộp trả NSTW Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả

c.	Nguồn vốn NSTW hỗ trợ còn nhu cầu sử dụng	2.139.000.000	<p>Do KHV kéo dài qua nhiều năm nhưng không giải ngân được, theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 77/ 2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính Phủ quy định: Thời gian giải ngân KHV đầu tư công hằng năm được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch. Như vậy, nếu kéo dài tiếp không đúng với quy định của Luật Đầu tư công; trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của từng dự án sang các năm sau, nhưng không quá thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 76 của Luật Đầu tư công. Có nghĩa là kéo dài năm đầu tiên của giai đoạn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, nếu tiếp tục kéo dài sang năm 2017 không đúng với quy định của Luật Đầu tư công</p> <p>Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT</p>	UBND tỉnh có CV số 1399/UBND-TH ngày 17/3/2017 Báo cáo Bộ KH và ĐT trình TTgCP cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sách đến ngày 31/12/2017, nhưng chưa có TB trả lời
d.	KHV năm 2015 kéo dài thuộc nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	791.244.000	<p>KHV năm 2016 NSTW hỗ trợ đã hết nhu cầu sử dụng. Đề nghị nộp trả</p> <p>Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT</p>	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
đ.	Nguồn vốn TW hỗ trợ có mục tiêu đã hết nhu cầu sử dụng	125.668.537	<p>KHV năm 2016 NSTW hỗ trợ đã hết nhu cầu sử dụng. Đề nghị nộp trả</p> <p>Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT</p>	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
1.2	Đối với nguồn vốn CTMTQG	8.741.503.952		
a.	Nguồn vốn CTMTQG của các năm trước	4.191.000.000	<p>Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT</p>	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả

b.	Kế hoạch vốn của năm 2015 kéo dài thuộc vốn CTMTQG	4.311.982.952	Vốn CTMTQG năm 2015 cho phép kéo dài sang năm 2016 sử dụng tiếp đến hết ngày 31/3/2017 còn lại 6.450.517.952đ, gồm: CTMTQG Giảm nghèo bền vững 4.311.982.952đ đã hết nhiệm vụ chi, hủy KHV, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoàn thành; CTMTQG ứng phó biến đổi khí hậu 2.138.535.000đ Tỉnh đang đề nghị Trung cho phép kéo dài sang năm 2017 sử dụng tiếp cho mục tiêu này, đến nay vẫn chưa có Văn bản trả lời Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT	Riêng vốn CTMTQG về giảm nghèo bền vững Tỉnh đang lập văn bản xin trung ương
c.	Nguồn vốn CTMTQG	1.521.000	KHV CTMTQG năm 2016 không còn nhu cầu sử dụng, KBNN hủy KHV theo quy định. Đề nghị nộp trả NSTW.	
d.	Nguồn vốn CTMTQG	237.000.000	Hết nhiệm vụ chi.	
1.3	Đối với nguồn vốn TPCP	38.450.640.240		
a.	Nguồn vốn TPCP của các năm trước chuyển sang	766.000.000	Các đơn vị đã nộp trả ngân sách cấp tỉnh do không có khối lượng hoàn thành, các dự án kết thúc nhưng Tỉnh chưa nộp trả cho ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn TPCP theo quy định	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
b.	Nguồn vốn TPCP (KHV các năm trước còn lại)	2.014.907.624	Do hết nhiệm vụ chi, các dự án liên quan đến nguồn vốn này đã kết thúc, không có khối lượng hoàn thành để giải ngân, đề nghị nộp trả	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
c.	Nguồn vốn TPCP còn lại từ năm 2102, 2013 2014 đã kéo dài sang năm 2015 đến thời điểm kết thúc kiểm toán vẫn còn lại	35.669.732.616	Do các dự án có liên quan không còn nhu cầu sử dụng, UBND tỉnh đã có CV số 816/UBND-TH ngày 20/5/2015 đề xuất cắt, giám để nộp trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.	Đến thời điểm kiểm toán chưa có văn bản phản hồi của Bộ KH và ĐT, BTC yêu cầu Tỉnh nộp trả
1.4	Đối với nguồn vốn NSTW ứng trước cho NS	39.007.000.000		

	Nguồn NSTW ứng trước cho NS tỉnh của các năm trước còn lại (KHV năm trước còn lại)	39.007.000.000	Từ nguồn NSTW ứng trước cho NS tỉnh từ nhiều năm trước, kéo dài để tồn đọng, đã phân bổ KHV cho các dự án thực hiện từ các năm trước nhưng không có khối lượng thực hiện để thanh toán, các dự án đã kết thúc, nên thừa nguồn, Tỉnh chậm xử lý hoàn trả nguồn kinh phí ứng còn thừa cho NSTW theo quy định	Tỉnh đang chờ TB của BTC để nộp trả
1.5	Kế hoạch vốn năm 2016 còn lại chưa giải ngân	47.922.279.448		
	Kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ còn lại	47.922.279.448	Đến ngày 31/3/2017 kế hoạch vốn đã phân bổ, bố trí nhưng thời gian thực hiện và giải ngân còn lại, UBND tỉnh có CV số 1399/UBND-TH ngày 17/3/2017 Báo cáo Bộ KH và ĐT, BTC xem xét trình TTgCP cho phép kéo dài sang năm 2017, nhưng dự toán chi bổ sung có mục tiêu Bộ trưởng BTC đã giao đảm bảo nguồn thực hiện đầu tư năm 2017 là 782.745trđ.	Đến thời điểm kiểm toán chưa có văn bản trả lời của Bộ KH và ĐT, BTC, TTCP
2	Kho bạc Nhà nước	765.667.100		
	Vốn TPCP do Địa phương quản lý	765.667.100	Do không có khối lượng để thanh toán, nộp giảm cấp phát tạm ứng của 04 dự án như Dự án Hồ chứa nước Suối Loa 75.675.000đ, Đường Trà Thọ - Trà Lãnh 168.171.000đ, Đường Trà My - Trà Bồng - Dung Quất 516.202.100đ và Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh 5.619.000đ không được trung ương cho phép kéo dài nhưng ĐP chưa nộp trả NSTW theo quy định của Luật đầu tư công và ND77/2015/NĐ- CP của Chính phủ	
IV	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: (A) + (B)	66.696.464.246		
A	Thường xuyên: (1) + (2) + (3)	66.451.796.246		
1	Nguồn Cải cách tiền lương	39.450.054.680		
1.1	Nguồn Cải cách tiền lương còn thừa năm 2015 chưa giảm trừ dự toán chi trong năm 2016	36.020.862.000	Nguồn CCTL còn thừa năm 2015 theo báo cáo thẩm định quyết toán năm 2015 tại các đơn vị cấp tỉnh là 50.586,3trđ; tuy nhiên năm 2016 Sở Tài chính mới giảm trừ vào dự toán 14.565,4trđ; nguồn CCTL thừa năm 2015 còn lại chưa được giảm trừ vào dự toán năm 2016 và dự toán đầu năm 2017 số tiền 36.021trđ.	

1.2	Theo dõi giảm trừ dự toán nguồn Cải cách tiền lương còn lại của các đối tượng tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP tại các đơn vị, địa phương (chi tiết tại các phụ lục kèm theo)	3.429.192.680	Nguồn CCTL chưa thực hiện đối với các đối tượng nghỉ việc theo đề án tinh giản biên chế NĐ 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, gồm: - Đợt I/2016: 1.546.327.880đ; - Đợt II/2016: 1.882.864.800đ	
2	Giảm trừ số Trung ương bổ sung năm sau Nguồn KP chương trình mục tiêu và CTMTQG từ ngân sách	5.050.364.533		
2.1	Nguồn KP an sinh xã hội	510.030.000	Chính sách dầu hỏa thấp sáng theo QĐ 289/QĐ-TTg đã được hủy bỏ tại Quyết định số 795/QĐ-TTg, kinh phí còn thừa (các Huyện nộp trả NS tỉnh: Ba Tơ: 299trđ; Sơn Hà 53,67trđ; Tây Trà: 77,36trđ; Trà Bồng 80trđ) Thủ tướng chính phủ đồng ý các địa phương được phép để lại để tăng nguồn an sinh xã hội. Kiểm toán kiến nghị giảm trừ KP an sinh xã hội TƯ bổ sung năm sau. (kinh phí còn dư của năm 2015 trở về trước)	
2.2	Kinh phí Chương trình 135	3.921.179.000		
a.	Sở Tài chính	121.179.000	Huyện nộp trả NS tỉnh (Ba Tơ: 32trđ; Sơn Hà 18,588trđ; Tây Trà: 44,922trđ; Trà Bồng 25,669trđ); nhiệm vụ đã hết, nhưng các nhiệm vụ khác của chương trình 135 giai đoạn III vẫn còn tiếp tục, do đó Kiểm toán kiến nghị giảm trừ số TƯ bổ sung năm sau cho địa phương. (kinh phí còn dư của năm 2015 trở về trước)	
b.	Sở Tài chính	3.800.000.000	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo Chương trình 135 giai đoạn II hết nhiệm vụ chỉ còn dư tại ngân sách tỉnh từ năm 2014. Đề nghị giảm trừ số TƯ bổ sung năm sau	
2.3	Kinh phí Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững Nghị quyết 30a	619.155.533	Huyện nộp trả NS tỉnh (Ba Tơ: 218trđ; Sơn Hà 345trđ; Tây Trà: 35,4trđ; Trà Bồng 17,2trđ, Sơn Tây 3,5trđ); nhiệm vụ đã hết, nhưng các nhiệm vụ khác thuộc chương trình giảm nghèo nhanh bền vững vẫn còn tiếp tục do đó, Kiểm toán kiến nghị giảm trừ số TƯ bổ sung năm sau cho địa phương. (kinh phí còn dư của năm 2015 trở về trước)	
3	Các huyện thành phố	21.951.377.033		

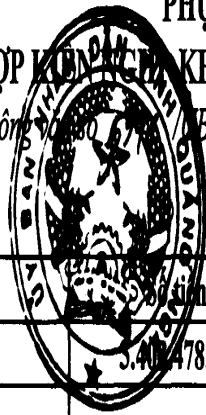
3.1	Huyện Đức Phổ	816.053.105	
a.	Kinh phí thường xuyên chuyển nguồn sai quy định	79.360.105	Kinh phí không tự chủ nhưng giao theo diện tự chủ, dẫn đến chuyển nguồn sai quy định 45,6trđ; Kinh phí không tự chủ chuyển nguồn sai quy định. Đề nghị giảm trừ dự toán chi của Phòng GD và ĐT năm sau 33,7trđ.
b.	Sử dụng nguồn CCTL cho các đối tượng không đúng mục đích sử dụng nguồn kinh phí	736.693.000	Sử dụng nguồn CCTL để chi cho các đối tượng không đúng mục đích nguồn kinh phí (Lực lượng trực bảo vệ cơ quan và trực bảo vệ tổ dân phố 55.392.000đ; hội không thuộc Hội có tính chất đặc thù theo NDD45/CP là 215.200.000đ; lao động hợp đồng thuộc Đề án nguồn nhân lực của huyện 466.101.000đ)
3.2	Huyện Mộ Đức	749.100.000	Giảm trừ nguồn CCTL do kiểm toán phát hiện tăng thêm nhu cầu CCTL trong năm là 749,1trđ, (huyện báo cáo thiếu 50% nguồn tăng thu năm 2015) và NS tỉnh đã cấp bổ sung nguồn CCTL trong năm 2017.
3.3	Thành phố Quảng Ngãi	20.386.223.928	
a.	Ngân sách thành phố giảm dự toán năm sau của ngân sách xã/phường	731.538.628	Ngân sách thành phố giảm dự toán năm sau của ngân sách xã/phường 731trđ do Kinh phí tiếp công dân định kỳ và bộ phận một cửa NS thành phố cấp cho các xã còn thừa

b.	Ngân sách tỉnh giảm dự toán năm sau của ngân sách thành phố Quảng Ngãi	19.045.058.750	<p>Ngân sách tỉnh giảm dự toán năm sau của ngân sách thành phố Quảng Ngãi 19.045trđ:</p> <p>- Do năm 2015 thành phố Quảng Ngãi báo cáo UBND tỉnh hụt thu 48.180trđ nên dự toán đầu năm 2016 của UBND tỉnh giao cho thành phố Quảng Ngãi bù hụt thu 50% là 24.080trđ để thực hiện nhiệm vụ chi (không bù 50% để CCTL). Quyết toán 2015 hụt thu 34.213trđ (tương đương 50% nhiệm vụ chi 17.107trđ). Do đó tỉnh bù hụt thu vượt 6.980trđ (phần chênh lệch 24.080trđ - 17.107trđ);</p> <p>- Nguồn CCTL cuối năm 2015 của thành phố còn thừa 34.779trđ nhưng tỉnh vẫn cấp 6.601trđ;</p> <p>- Có 05 nhiệm vụ chi NS tỉnh cấp thừa cho thành phố 5.463trđ như: Chính sách thu hút sinh viên về công tác ở xã 68,8trđ; Hỗ trợ người nghèo vùng khó khăn theo quyết định 102/2009/QĐ-TTg 27,8trđ; Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội 1.610trđ; kinh phí bảo trợ xã hội 3.715trđ và kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng người cao tuổi 40,8trđ.</p>	
c.	Kinh phí thực hiện NĐ 116/2010/NĐ-CP xã nộp về NS TP.	609.626.550	Kinh phí thực hiện NĐ 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về chính sách cho CBCC công tác ở vùng đặc biệt khó khăn hết nhiệm vụ chi (Xã Tịnh Hòa: 338,6trđ; Tịnh Kỳ: 271trđ)	
B	Đầu tư (Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi)	244.668.000		
-	Duy tu bảo dưỡng chăm sóc cây xanh tuyến đường Võ Văn Kiệt, đoạn từ Km12+684 - Km16+927 và đoạn ra cảng Tổng hợp	191.682.000	Giảm khối lượng theo thực tế thi công (khối lượng thực tế không thực hiện)	
-	Duy tu bảo dưỡng chăm sóc cây xanh trong khu đô thị Vạn Tường	32.417.000	Giảm khối lượng theo thực tế thi công (khối lượng thực tế không thực hiện)	
-	Nạo vét hố ga và mương thoát nước trong KĐT Vạn Tường; lát gạch vỉa hè tuyến số 01 đoạn từ Km0+436,9 – Km0+514,55 và tuyến số 02 đoạn từ Km0+00 – Km0+485 (phía đối diện DOSSAN)	16.510.000	Giảm khối lượng theo thực tế thi công (khối lượng thực tế không thực hiện)	
-	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng; quản lý vận hành các trạm tủ điều khiển chiếu sáng; sơn lan kê vạch, lắp đặt bộ sung biển báo ATGT trong khu đô thị Vạn Tường	4.059.000	Giảm khối lượng theo thực tế thi công (khối lượng thực tế không thực hiện)	

PHỤ LỤC SỐ 03

TỔNG HỢP KINH NGHIỆM KHÁC CỦA SỞ TÀI CHÍNH NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 57/UBND-KT ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú	
	Tổng	5.407.478.356.726		
1	Tiếp tục theo dõi Quỹ tiền lương còn thừa của 73 biên chế chưa thực hiện tại các đơn vị dự toán trực thuộc tỉnh quản lý	2.873.270.232	Bổ trí dự toán chi cho số biên chế chưa tuyển dụng cho các cơ, quan đơn vị 73 chỉ tiêu (Sở KH&ĐT 07 chỉ tiêu; Sở LĐTB&XH 08 chỉ tiêu; Sở VH&TT&DL 32 chỉ tiêu; Sở Ngoại vụ 02 chỉ tiêu và Sở NN&PTNT 23 chỉ tiêu). Tuy nhiên, trong năm UBND tỉnh không có kế hoạch tuyển dụng.	
2	Bổ trí nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp để hoàn trả nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS Trung ương, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn xổ số kiến thiết sai mục tiêu, Tỉnh đã tạm mượn các nguồn này để chi không đúng mục tiêu và dự toán chi được giao do hụt thu ngân sách cấp tỉnh năm 2016 nhưng không thực hiện cắt giảm, sắp xếp lại nhiệm vụ chi theo NQ của QH và CP.	705.025.000.000	(i). Số dư dự toán ngân sách tỉnh 430.961trđ (Thu xổ số kiến thiết 8.589trđ; Thu tiền sử dụng đất 263.456trđ; Kinh phí vượt thu 2015: 39.799trđ; TW thưởng vượt thu 2015: 11.200trđ; Vượt thu 2013: 20.200trđ; KP thực hiện CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững 6.950trđ; Kinh phí mua camera giám sát cho Công an tỉnh 1.782trđ; Nguồn cải cách tiền lương 78.985trđ; (ii). Nguồn TƯ bổ sung có mục tiêu 97.451trđ (Các huyện nộp trả 13.695trđ; Kinh phí mua trang phục dân quân tự vệ 15trđ; Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội 28.086trđ; Dầu hỏa thấp sáng theo QĐ 289/QĐ-TTg 541trđ; KP hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2014: 121trđ; Thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng BTXH 52.726trđ; Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020: 228trđ; Chi trả trợ cấp một lần theo QĐ 24/2016/QĐ-TTg 2.039trđ); (iii). Kinh phí đầu tư XDCB 176.613trđ (Thu hồi bổ trí lại 27.837trđ; nguồn vốn chuyển tiếp 148.776trđ).	Việc UBND tỉnh không thực hiện cắt giảm, sắp dự toán chi do hụt thu theo quy định, đã mượn các nguồn này để bù đắp và đảm bảo nhiệm vụ chi của NS cấp tỉnh đã ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả sử dụng của các nguồn này

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
3	Tạm ứng theo chế độ về đầu tư XD CB kéo dài nhiều năm chưa thu hồi sau ngày 31/3/2017	220.586.460.521	Do sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với các chủ đầu tư (BQLDA) có liên quan đến nợ, KBNN và các cơ quan tham mưu (Sở KH và ĐT, STC, Sở GT, . . .) của Tỉnh về số nợ tạm ứng kéo dài do chấp hành kỷ luật , kỷ cương quản lý tài chính NSNN và nguồn vốn đầu tư khác không nghiêm, dẫn tới các chủ đầu tư (BQLDA) chây ỳ, thiếu trách nhiệm đôn đốc thu hồi nợ theo đúng hợp đồng đối với Bên B. Chi tiết theo từng nguồn như sau (Bao gồm 29.669trđ thu hồi tại Phụ lục số 04): Vốn XD CB TT 61.860trđ, Vốn từ nguồn tiền sử dụng đất 10.349trđ, vốn đầu tư bổ sung có mục tiêu NSTW 44.167trđ, vốn đầu tư CTMTQG 960trđ, vốn đầu tư từ nguồn vượt thu 11.283trđ, vốn đầu tư từ nguồn CCTL được TW cho chuyển mục đích sử dụng 116.736trđ, vốn đầu tư nguồn viện trợ không hoàn lại 8trđ, vốn TPCP 4.494trđ.	
4	Ứng trước, tạm ứng từ ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác ngoài dự toán chi giao để quá hạn, kéo dài nhiều năm chưa thu hồi đến 31/3/2017	863.287.000.000	Các trường hợp chi ứng trước của UBND tỉnh đúng theo quy định tại Khoản 13.1, Điều 13 TT59/2003/TT-BTC của BTC, tuy nhiên theo quy định tại Khoản 13.4 UBND tỉnh phải chịu trách nhiệm chỉ đạo thu hồi vốn ứng trước từ các nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác theo quy định, nhưng để	
4.1	Tồn đọng ứng từ năm 2014 trở về trước chưa thu hồi để kéo dài qua nhiều năm của ngân sách tỉnh	306.587.000.000	tồn đọng quá hạn, kéo dài nhiều năm, có sự lợi dụng cơ chế ứng này để thực hiện ứng dần trả, mở rộng trên các lĩnh vực, trong đó có nhiều khoản ứng quá lâu có thể không thu hồi được, việc ứng vượt mức 20% quy định tại Khoản 13.3, Điều 13 Thông tư số 59/2003/TT-BTC của BTC, do các	
4.2	Ứng trước của năm 2015 chưa thu hồi	258.000.000.000	thời kỳ Lãnh đạo UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh thay đổi nên thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo đôn đốc các cơ	
4.3	Ứng trước từ nguồn vốn khác quá hạn, kéo dài chưa thu hồi	298.700.000.000	quan đơn vị liên quan và ngân sách cấp dưới, nhất là các chủ đầu tư (BQLDA) thu hồi kịp thời theo quy định, không quan tâm ưu tiên bố trí vốn để thu hồi nợ ứng trước thành cấp	
a	Vốn Trái phiếu Chính phủ	166.700.000.000	phát hoặc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới để thu	
b	Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu	50.000.000.000	hồi nợ	
c	Tính ứng trước từ nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh	82.000.000.000		

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
5	Thu hồi các khoản tạm thu, tạm giữ đã đủ điều kiện nộp ngân sách	88.137.000	Tạm thu khác 60trđ (TK 3592) là khoản nộp phạt vi phạm hành chính, nhưng chưa thực hiện nộp vào NSNN; Thanh tra Sở Tài chính thu hồi các khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi của các huyện 28,1trđ, nhưng hiện nay chưa nộp vào NSNN	
6	Ngân sách trung ương ứng trước dự toán chi cho NS tỉnh quá hạn, kéo dài nhiều năm BTC chậm thu hồi	534.241.000.000	Các trường hợp chi ứng trước đúng theo quy định tại Khoản 13.1, Điểm 13 TT59/2003/TT-BTC của BTC, UBND tỉnh	
6.1	Chi thường xuyên (ứng trước kinh phí sự nghiệp)	4.294.000.000	phân khai đúng mục tiêu theo TB của BTC, tuy nhiên theo quy định tại Khoản 13.4 Bộ trưởng BTC chịu trách nhiệm thu hồi vốn ứng trước từ NSTW nhưng để quá hạn, kéo dài	
a	- Ứng trước cho các chương trình từ năm 2014 trở về trước	1.056.000.000	nhiều năm từ 2008 đến 2014 chưa thu hồi (đến ngày 31/3/2017), do các thời kỳ trước Bộ trưởng BTC tham mưu chính phủ cho ứng nhưng Bộ trưởng sau chưa quan tâm xử lý thu hồi theo quy định, đồng thời các Công văn của BTC yêu cầu thu hồi theo đúng quy định của Luật NSNN nhưng thực tế không yêu cầu Địa phương thu hồi hoàn trả nguồn ứng cho NSTW.	
b	- Tạm ứng theo ND67/2014/ND-CP của CP	3.238.000.000		
6.2	Ứng trước cho NS tỉnh để chi đầu tư XDCB quá hạn, kéo dài nhiều năm chậm thu hồi từ năm 2008 đến 2014	529.947.000.000		
7	NSTW hỗ trợ NS tỉnh để chuyển từ ứng trước dự toán chi ngân sách năm sau thành cấp phát	26.000.000.000	- Do danh mục của Bộ Tài chính thông báo chưa khớp với danh mục của địa phương đã xin ứng trước nên chưa có sở để thực hiện chuyển ứng thành cấp phát, UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để điều chỉnh danh mục, nhưng đến thời điểm kiểm toán ngày 22/5/2017 vẫn chưa có thông báo điều chỉnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Nếu Bộ KH và ĐT không có TB điều chỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh, thì đề nghị nộp trả NSTW theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu công	
8	Đề nghị KBNN thu hồi tạm ứng khi thanh toán	557.200.215.233		

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
8.1	Bố trí nguồn thu hồi ứng trước kéo dài nhiều năm, chưa đúng theo quy định Luật NSNN đối với chi thường xuyên (số liệu do KBNN tỉnh Quảng Ngãi xác nhận và cung cấp)	6.160.000.000	Các khoản ứng trước kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg, xây nhà ở đã hoàn thành nhưng chưa được hỗ trợ. Do chưa có nguồn thu hồi ứng trước, ngày 08/01/2017, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Trà Bồng đã lập Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách chuyển số dư ứng trước năm 2016 sang ứng trước năm 2017 (đính kèm Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách ngày 08/01/2017).	KBNN đang theo dõi ngoài hệ thống mục lục NSNN quy định
8.2	Về số dư tạm ứng bằng dự toán chi của niên độ 2016 (TK 1523) đối với chi thường xuyên (số liệu KBNN Quảng Ngãi xác nhận và cung cấp)	15.618.640.405	Nguyên nhân chưa xử lý thu hồi hết số tạm ứng tại các đơn vị như sau: (1) Sở Nội vụ do các hợp đồng đào tạo kéo dài trong nhiều năm; (2) Sở Khoa học Công nghệ do các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong nhiều năm; (3) Sở Tài nguyên và Môi trường do các dự án lập kế hoạch đo đạc kéo dài trong nhiều năm; (4) Bệnh viện Đa khoa tỉnh do Mua máy phát điện chưa đủ thủ tục nghiệm thu hoàn thành; (5) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch do Dự án quy hoạch Khu du lịch Thạch Bích kéo dài 2 năm 2016 - 2017; (6) Sở Y tế do Dự án sửa chữa trụ sở nhận bàn giao từ Cục thuế tỉnh và công trình đang dở dang, bàn giao lại cho đơn vị khác; (7) Trung tâm Kỹ thuật nông lâm nghiệp Dung Quất do Hợp đồng với Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp lập Đề án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chưa có khối lượng hoàn thành; (8) Hội Văn học Nghệ thuật Dự án sửa chữa trụ sở cơ quan thực hiện trong 2 năm 2016 - 2017.	KBNN đang theo dõi ngoài hệ thống mục lục NSNN quy định
8.3	Về số dư tạm ứng chi thường xuyên bằng LCT từ tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh năm 2016: Số dư cuối năm 2016 (TK 1531)	535.421.574.828	Ngày 10/3/2017, Sở Tài chính lập Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách chuyển số dư tạm ứng chi thường xuyên không kiểm soát dự toán chi năm 2016 sang theo dõi số tạm ứng năm 2017 (đính kèm Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách ngày 10/3/2017).	KBNN đang theo dõi ngoài hệ thống mục lục NSNN quy định

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
9	- Nguồn NSTW BS có mục tiêu cho các dự án hết nhiệm vụ chi	67.843.273.740	Nguồn vốn của các dự án đã hết nhiệm vụ chi 67.843,4trđ từ năm 2012, 2013 2014 đã cho phép kéo dài đến ngày 31/12/2015, UBND tỉnh có văn bản báo cáo Trung ương xin phép kéo dài tiếp, đến ngày 11/11/2016 Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 9716/VPCP-KTTH Thông báo ý kiến của Phó thủ tướng Chính phủ thống nhất cho phép kéo dài là không đúng với quy định tại Điều 46 Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ, Nguồn vốn còn thừa các năm trước chưa phân bổ, sử dụng theo điểm 3 tại Công văn số 5415/VPCP-KTTH ngày 25/5/2017 của Văn phòng Chính phủ không kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2017 số vốn của CTMT	UBND tỉnh đã phân bổ và giao KHV (Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 5/4/2017);
10	Theo dõi nguồn CCTL còn dư năm 2016 để giảm trừ nguồn cấp các năm sau.	424.834.000.000		
10.1	Các huyện	95.377.000.000	Các huyện dư nguồn: Đức Phổ 2.414trđ; Nghĩa Hành 8.786trđ; Sơn Tịnh 1.664trđ; Tư Nghĩa 12.026trđ; TP Quảng Ngãi 36.848trđ; Ba Tơ 25.250trđ và Trà Bồng 8.389trđ.	
10.2	Cấp tỉnh	329.457.000.000	Nguồn CCTL còn lại năm 2016 chuyển sang 2017 của tỉnh Quảng Ngãi 424.834trđ được Bộ Tài chính thẩm định tại Công văn số 7273/BTC-NSNN ngày 02/6/2017, sau khi khấu trừ nguồn CCTL huyện và TP còn lại 95.377trđ, nguồn CCTL cấp tỉnh còn lại đến hết năm 2016 là 329.457trđ.	
11	Ứng vốn từ nguồn Quỹ phát triển đất cho Công ty cổ phần hàng không Vietjet không đúng quy định	1.500.000.000	Ứng vốn từ Quỹ phát triển đất cho Công ty cổ phần hàng không Vietjet theo Công văn số 1314/UBND-CNXD ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi để mở đường bay TP. Hồ Chí Minh – Chu Lai với số tiền 1.500trđ không đúng các nội dung quy định tại Điều 11, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng chính phủ; không thuộc danh mục đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển theo Quyết định số 1439/QĐ-UBND tỉnh ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	